TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 14/2019/DS-ST
Ngày 07 tháng 6 năm 2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: ông Nguyễn Văn Huy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Mý

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: ông Đinh Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 07/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: Khu C, bán đảo Đ, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội;

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Xuân Tr – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: 288 Hùng Vương, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai; theo quyết định ủy quyền số 24/QĐ-NHCS ngày 22/6/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H và bà Chu Thị H2

Cùng địa chỉ: Thôn Văn Mỹ (nay là thôn Ngai Yố), xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 22/01/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Xuân Tr trình bày như sau:

Ngân hàng C có cho hộ gia đình bà Chu Thị H2 vay những khoản vay

và quá trình thực hiện như sau:

- Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn ngày 10/3/2014 (BL18) và Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn của tổ tiết kiệm và vay vốn ngày 02/3/2014 (BL21), ngày 14/3/2014, Phòng giao Ngân hàng C huyện Ia Grai đã giải ngân cho hộ gia đình bà Chu Thị H2 vay vốn theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, với số tiền 8.000.000đ, không có tài sản đảm bảo, lãi suất trong hạn 0,8%/ tháng, lãi suất quá hạn 1,04%/tháng, thời hạn cho vay 36 tháng đến ngày 14/3/2017, đã được gia hạn đến ngày 14/9/2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Chu Thị H2 đã trả lãi đến ngày 22/02/2018 là 3.075.720đ, chưa trả tiền gốc. Đã hết thời hạn trả nợ nhưng bà Chu Thị H2 và ông Nguyễn Văn H không trả nợ nên yêu cầu Tòa án buộc bà H2, ông H trả số tiền nợ gốc 8.000.000đ và tiền lãi trong hạn từ ngày 23/02/2018 đến ngày 14/9/2018 với mức lãi suất 9,6%/năm là 427.134đ, lãi quá hạn từ ngày 15/9/2018 đến ngày 07/6/2019 với mức lãi suất 12,48%/năm là 724.866đ.

- Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn ngày 20/5/2015 (BL16) và Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn của tổ tiết kiệm và vay vốn ngày 20/5/2015 (BL20), ngày 25/5/2015, Phòng giao Ngân hàng C huyện Ia Grai đã giải ngân cho hộ gia đình bà Chu Thị H2 vay vốn theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng kinh tế khó khăn với số tiền 20.000.000đ, không có tài sản đảm bảo, lãi suất trong hạn 0,8%/tháng (9,6%/năm), lãi suất quá hạn 1,04%/tháng (12,48%/năm), thời hạn vay 36 tháng, được gia hạn trả nợ đến ngày 14/11/2019, trả tiền lãi hàng tháng, tiền nợ gốc mỗi kỳ là 13.300.000đ vào ngày 25/5 hàng năm. Bà Chu Thị H2 đã trả lãi đến ngày 13/02/2018 là 5.309.727đ, chưa trả tiền nợ gốc. Do hộ bà Chu Thị H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, hiện đã bỏ đi khỏi địa phương nên yêu cầu Tòa án buộc bà H2 và ông H phải trả số tiền nợ gốc là 20.000.000đ, nợ lãi từ ngày 14/02/2018 đến ngày 07/6/2019 với mức lãi suất 9,6%/năm là 2.514.411đ.

- *Ý kiến của bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Chu Thị H2 và ông Nguyễn Văn H vắng mặt, không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- *Kết quả xác minh của Tòa*: bà H2 và ông H có cư trú tại thôn Văn Mỹ (nay là thôn Ngai Yố), xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương từ cuối năm 2018, không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương; hộ gia đình bà Chu Thị H2 bao gồm bà H2 là chủ hộ, chồng là ông H, hai người con sinh năm 1998 và 2000.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo kết quả xác minh của Tòa án, bị đơn là bà H2, ông H có địa chỉ nơi cư trú đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hồ sơ vay tiền. Tuy nhiên, khi Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, bị đơn đã đi khỏi nơi cư trú, không xác định thời điểm trở về nhưng không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành niêm yết đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo và những văn bản tố tụng tại nơi cư trú, đảm bảo cho việc tiếp nhận thông tin và tiến hành giải quyết theo thủ tục chung theo quy định tại Điều 177, Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là bà H2, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn đã được tống đạt đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối, đồng thời các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vay tiền là Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND xã Ia Bă, nên có căn cứ xác định các chứng cứ này là đúng sự thật.

[4] Bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn, cố tình che giấu địa chỉ. Có căn cứ xác định bị đơn đã không còn sử dụng tiền vay đúng mục đích vay là để cải tạo, chăm sóc vườn cà phê, cung cấp thông tin sai sự thật, đồng thời đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi. Do đó, mặc dù thời hạn trả nợ vào ngày 14/11/2019 nhưng nguyên đơn có quyền khởi kiện, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với hợp đồng cho vay sản để xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[5] Ngân hàng cho vay theo chương trình cho đối tượng chính sách theo Quyết định 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/02/2004 về tín dụng thực hiện chiến lược quốc gia về cấp nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn và theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, với mục đích chăm sóc vườn cà phê. Đối tượng vay vốn là hộ gia đình, chủ thể của quan hệ dân sự theo Bộ luật Dân sự 2005, là luật có hiệu lực tại thời điểm xác lập, được áp dụng giải quyết tranh chấp trong vụ án. Bà H2 là chủ hộ gia đình đại diện xác lập giao dịch vay tiền của Ngân hàng vì lợi ích chung của hộ gia đình nên nghĩa vụ trả nợ thuộc về hộ gia đình bà H2 theo quy định tại các điều 107, 110 của Bộ luật Dân sự 2005.

[6] Theo quy định tại Điều 110 của Bộ luật Dân sự 2005, hộ gia đình chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản của hộ, nếu tài sản chung không đủ thực hiện nghĩa vụ thì các thành viên phải chịu trách nhiệm liên đới bằng tài sản riêng. Tuy nhiên, không có chứng cứ để xác định hộ gia đình bà H2 có tài sản chung và những thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập hoặc tặng cho chung, thừa kế chung, thỏa thuận là tài sản chung theo Điều 108 của Bộ luật Dân sự 2015. Đồng thời, quy định này cũng không xác định cụ thể thành viên nào của hộ gia đình phải có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ. Căn cứ vào nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận và khả năng xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự cá nhân, Hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về các thành viên của hộ gia đình có công sức đóng góp vào hoạt động kinh tế chung và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền là bà H2 và ông H theo quy định tại các điều 4, 17, 18, 19, 20, 106 của Bộ luật Dân sự 2005.

[7] Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn đối với hợp đồng vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường; không còn sử dụng vốn vay vào đúng mục đích vay, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi khi đến hạn theo chương trình vay sản xuất kinh doanh nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi trước thời hạn cuối cùng là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại các điều 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[8] Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền :

- Vay chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường: nợ gốc 8.000.000đ và tiền lãi trong hạn từ ngày 23/02/2018 đến ngày 14/9/2018 với mức lãi suất 9,6%/năm là 427.134đ, lãi quá hạn từ ngày 15/9/2018 đến ngày xét xử với mức lãi suất 12,48%/năm là 724.866đ.

- Vay sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn: nợ gốc 20.000.000đ, nợ lãi từ ngày 14/02/2018 đến ngày 07/6/2019 với mức lãi suất 9,6%/năm là 2.514.411đ.

Tổng cộng: 31.666.411đ.

[9] Về án phí: Bà H2, ông H phải chịu 1.583.320đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 39, 40, 147, 192, 227, 228 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng các điều 4, 17, 18, 19, 20, 106, 107, 108, 110 của Bộ luật Dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Bà Chu Thị H2 và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền 31.666.411 (ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm mười một đồng), mỗi người 15.833.206đ (mười lăm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn hai trăm lẻ sáu đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Chu Thị H2 và ông Nguyễn Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 12,48%/năm.

2. Bà Chu Thị H2 và ông Nguyễn Văn H phải liên đới nộp số tiền 1.583.320đ án phí dân sự sơ thẩm, mỗi người 791.660đ (bảy trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huy